성명: **반:** **날짜:** **주제:**

자기소개 발표내용소개	Xin chào tất cả các quí vị, tôi là Thúy, hiện đang học tại trường Hàn ngữ Kanata. 안녕하십니까? 현재 가나다 어학당에서 공부하고 있는 투이입니다. Nội dung mà tôi thuyết trình hôm nay là Sở thích bản thân. 오늘 제가 발표하는 내용은 취미를소개합니다. Trước tiên, xin gửi lời cảm ơn đến thầy cô, các bạn trong lớp đã tham gia buổi thuyết trình 먼저 프레젠테이션에 참석해주신 선생님, 반 친구들께 감사드립니다. Tôi xin phép được bắt đầu 시작하도록 하겠습니다.
발표내용 (100-600 자)	저는 요리하기, 음악들이(음악듣기),여행하기,등(여행하기 등) 취미가 많이 있습니다. Tôi có nhiều sở thích như nấu ăn, âm nhạc, du lịch, v.v. 하지만 그중에서는제일(그 중에서 제일) 좋아하는 것이 요리하기도(와) 한국어를 공부하기 입니다(공부하기입니다) Nhưng trong số đó, mình thích nhất là nấu ăn và học tiếng Hàn 저는 시간이 있으면 유튜브에(유튜브에서) 요리하는 것을 봐서(보고) 따라 합니다 Nếu mình có thời gian, mình sẽ xem Youtuber nấu ăn và bắt chước theo 저는 주말에 제 아이들에게 맛있는 음식은(음식을) 준비 해(준비해) 줍니다 Tôi chuẩn bị đồ ăn ngon cho các con tôi vào cuối tuần 사랑하는 사람들이 내가 요리하는(요리한) 음식은(음식을) 맛있게 먹는 걸 보면 기분이 많이 좋아 졌습니다(좋습니다) Nhìn những người mình yêu mến ăn những món mình nấu ngon khiến tâm trạng mình vui lên hẳn 요즘 한국어를 공부하기는 더(한국어 공부때문에) 바빠서 자주 요리를 못했습니다 Dạo này tôi bận học tiếng Hàn hơn nên không thể nấu ăn thường xuyên được

	근데 한국어 배우는 것도 아주 재미있습니다 Nhưng mà học tiếng Hàn củng rất thú vị nữa 기분이 안 좋고 스트레스도 있을때마다(있을 때마다) 한국어를 공부 하는 것이나(한국어를 공부하거나) 음식을 만듭니다 Mỗi khi tâm trạng không vui và stress, tôi lại học tiếng Hàn hoặc nấu ăn. 그렇게 하면 저를 슬프게 하는 것에대해(것에 대해) 많이 생각하지 못 할겁니다(할 겁니다). Nếu làm như vậy thì tôi sẽ không suy nghĩ nhiều về việc làm tôi buồn.
결론	제가 발표하는 내용은 여기까지 마무리하겠습니다. 경청해주셔서 감사합니다.